

1. Qui ước viết tắt và công thức:

- Điểm trung bình môn học ở học kỳ thứ n: **ĐTBmh HKn** (với n từ 1→6, tương ứng 06 học kỳ: 2 học kỳ lớp 10, lớp 11, lớp 12);

Thí dụ: ĐTBmh HK1 Toán: Điểm trung bình môn Toán học kỳ 1 lớp 10

- Điểm trung bình 06 học kỳ của môn học (làm tròn đến 2 chữ số thập phân):

$$\mathbf{\text{ĐTB 6HK mh}} = [\mathbf{\text{ĐTBmh HK1}} + \mathbf{\text{ĐTBmh HK2}} + \mathbf{\text{ĐTBmh HK3}} + \mathbf{\text{ĐTBmh HK4}} + \mathbf{\text{ĐTBmh HK5}} + \mathbf{\text{ĐTBmh HK6}}] / 6$$

- **Điểm xét tuyển 6 Học kỳ (ĐXT 6HK)**: là Tổng điểm trung bình 6 học kỳ của các môn theo Tổ hợp xét tuyển; nhân hệ số (nếu có); cộng với điểm ưu tiên theo trường THPT và cộng Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có);

$$\mathbf{\text{ĐXT 6HK}} = \mathbf{\text{ĐTB 6HK mh1}} + \mathbf{\text{ĐTB 6HK mh2}} + \mathbf{\text{ĐTB 6HK mh3}} + \mathbf{\text{ĐTB 6HK mh4}} + \mathbf{\alpha}$$

(nếu có) + **Điểm ưu tiên (nếu có)**

Thang điểm xét tuyển là thang **40 điểm**, làm tròn đến **02 chữ số thập phân**;

Trong đó, α là Điểm ưu tiên theo trường THPT do TDTU qui định (trường chuyên/năng khiếu được cộng 2,0; trường trọng điểm được cộng 1,0);

Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (quy về thang điểm 40) bằng 4/3 lần điểm ưu tiên theo qui định của Bộ GD&ĐT:

| Khu vực/ Đối tượng | Điểm cộng theo qui định của bộ GD&ĐT (thang điểm 30) | Điểm cộng xét theo thang điểm 40 |
|-------------------------------|---|---|
| Khu vực 1 | 0,75 | 1,00 |
| Khu vực 2 NT | 0,50 | 0,67 |
| Khu vực 2 | 0,25 | 0,33 |
| Khu vực 3 | 0,00 | 0,00 |
| Đối tượng: 01,02,03,04 | 2,00 | 2,67 |
| Đối tượng: 05,06,07 | 1,00 | 1,33 |

Danh sách trường chuyên/năng khiếu, trường trọng điểm được cộng điểm ưu tiên công bố tại admission.tdtu.edu.vn;

**QUI ĐỊNH CHI TIẾT VỀ HÌNH THỨC XÉT TUYỂN 06 HỌC KỲ DÀNH CHO
HỌC SINH TRƯỜNG THPT
CHƯƠNG TRÌNH DU HỌC LUÂN CHUYỂN CAMPUS NĂM 2020**

Thí dụ: Điểm xét tuyển 06 học kỳ của thí sinh thuộc trường THPT không có điểm ưu tiên, tổ hợp xét tuyển là Toán, Văn, Anh (2) [Môn tiếng Anh được tính Hệ số 2].

| Môn | ĐTBmh HK1 Lớp 10 | ĐTBmh HK2 Lớp 10 | ĐTBmh HK1 Lớp 11 | ĐTBmh HK2 Lớp 11 | ĐTBmh HK1 Lớp 12 | ĐTBmh HK2 Lớp 12 | ĐTB 6HK |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-------------|
| Toán | 7,8 | 7,9 | 7,9 | 8,0 | 8,1 | 8,3 | 8,00 |
| Văn | 7,0 | 7,3 | 7,4 | 7,5 | 7,6 | 7,8 | 7,43 |
| Anh (hệ số 2) | 8,0 | 8,3 | 7,9 | 8,0 | 8,3 | 8,4 | 8,15 |
| <p>ĐTB 6HK Toán = $(7,8+7,9+7,9+8,0+8,1+8,3)/6 = 8,00$; tương tự cho các môn Văn, Anh. ĐXT 6HK = $8,00+7,43+8,15 \times 2$ + Điểm ưu tiên Trường THPT + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có)</p> | | | | | | | |

2. Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét theo mức Điểm xét tuyển ĐXT 6HK từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu từng ngành của hình thức này. Trường hợp có nhiều thí sinh có cùng mức ĐXT 6HK, TDTU sẽ ưu tiên xét theo ĐTB 6HK môn tiếng Anh từ cao xuống thấp.
- Mỗi thí sinh được đăng ký 02 nguyện vọng xét tuyển theo thứ tự ưu tiên. Thí sinh đạt nguyện vọng 1 sẽ không được xét nguyện vọng 2.